TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 17-6-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-KDTM ngày 05/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-KDTM ngày 06/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐST-KDTM ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng Trang trí nội thất H**; Địa chỉ: Số 05 - 07, đường V, Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đáng là anh Phạm Thanh V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 29, khóm M, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T**; đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Số 691, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H ủy quyền cho anh Phạm Thanh V trình bày: Cửa hàng trang trí nội thất H (Cửa hàng H) có làm ăn mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T (Công ty T) do ông Thái Văn A làm đại diện theo pháp luật.

Đến ngày 09/02/2018, ông D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H và ông Thái Văn A là đại diện theo pháp luật của Công ty T tiến hành đối chiếu công nợ thì phía Công ty T thừa nhận còn nợ Cửa hàng trang trí nội thất H số tiền 109.805.522đ; ông A có ký tên vào bản đối chiếu và cam kết đến ngày 30/3/2018 sẽ trả hết nợ cho Cửa hàng H, nhưng khi đến hạn ông A không thực hiện nghĩa vụ của mình và đến ngày 16/5/2018 thì ông A có trả cho Cửa hàng H được 20.000.000đ. Sau đó, Cửa hàng H đã nhiều lần yêu cầu ông A thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng ông A không thực hiện. Nay ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 89.805.522đ, không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông D xin thay đổi yêu cầu yêu cầu khởi kiện là Cửa hàng H chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T có nghĩa vụ trả số tiền mua bán còn thiếu là 69.805.522đ; không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T (Công ty T) đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Giấy chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu Lê Ngọc D (photo);

+ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Cửa hàng trang trí nội thất H (photo có chứng thực);

+ Bản đối chiếu công nợ (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng T (photo);

- Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 89.805.522đ, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự theo quy định tại Điều 24 của Luật thương

mại và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Tại biên bản đối chiếu công nợ cuối năm 2017, đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T thừa nhận đến hết ngày 08/02/2018 Công ty T còn nợ Cửa hàng trang trí nội thất H số tiền mua bán hàng hóa nói trên, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 của Luật thương mại.

[4] Về tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Đáng xác định hiện nay các bên chỉ tranh chấp số tiền trên, không tranh chấp số tiền nào khác; không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; ngoài các đương sự trên thì cũng không liên quan đến đương sự nào khác nữa và cũng xác định hiện nay Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T vẫn đang còn hoạt động bình thường.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại đơn khởi kiện ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 89.805.522đ, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông D chỉ yêu cầu Công ty T trả cho ông D số tiền 69.805.522đ, Xét việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Còn đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 69.805.522đ là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại biên bản đối chiếu công nợ cuối năm 2017, đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T là ông Thái Văn A thừa nhận đến hết ngày 08/02/2018 Công ty T còn nợ Cửa hàng trang trí nội thất H số tiền mua bán hàng hóa là 109.805.552đ và cam kết đến ngày 30/3/2018 sẽ trả hết số tiền này, nhưng khi đến thời hạn trả nợ thì Công ty T không trả như đã cam kết. Tuy nhiên, đến ngày 16/5/2018 Công ty T có trả cho ông D được số tiền 20.000.000đ và trong quá trình giải quyết vụ án Công ty T có trả thêm được cho ông D 20.000.000đ nữa (tổng cộng Công ty T trả cho ông D được 40.000.000đ). Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T còn nợ ông D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H số tiền mua bán hàng hóa là 69.805.522đ. Do đó, ông Lê Ngọc D - Chủ cửa

hàng trang trí nội thất H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T có nghĩa vụ trả cho ông Đáng số tiền 69.805.522đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, các đương xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 69.805.522đ, không yêu cầu tính lãi.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H nên Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T phải chịu 3.490.000đ tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Ông D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000đ theo biên lai số 0001169 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 24, 50, 55 và 319 của Luật thương mại; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H số tiền 69.805.522đ (Sáu mươi chín triệu tám trăm lẽ năm ngàn năm trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và xây dựng T phải chịu 3.490.000đ tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Ông Lê Ngọc D - Chủ cửa hàng trang trí nội thất H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Ông D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000đ theo biên lai số 0001169 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh